

Bản án số: **42/2020/DS-ST**

Ngày 29-9-2020

V/v “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Thông;

Ông Phan Như Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn H; Sinh năm: 1981. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Song Th ; Sinh năm: 1948. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Ch; Sinh năm: 1940; Vắng mặt có lý do.

Cùng trú tại: Thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Q.

4. *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Văn Nh; Sinh năm 1960. Có mặt

+ Ông Phạm Ngọc H; Sinh năm: 1954. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn H; Sinh năm: 1950. Vắng mặt

+ Ông Võ Đình T; Sinh năm: 1950. Vắng mặt

+ Ông Lý Xuân B; Sinh năm: 1950. Vắng mặt

+ Ông Phạm Đình T; Sinh năm: 1957. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Lê Văn H trình bày:

Vào năm 2019, ông Lê Song Th có vào vườn tôi chặt phá và đốt cháy 03 bụi tre, làm thiệt hại 100 cây tre. Lần thứ hai, vào ngày 20/5/2020, ông Th tiếp tục chặt tre và đốn 15 cây măng, đốt cháy làm nám 23 cây cau. Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, tôi yêu cầu ông Th bồi thường giá trị 100 cây tre, 23 cây cau, 15 mọt măng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th tiếp tục đốt cháy tre của tôi. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, xác định số cây tre bị thiệt hại do bị đốt cháy là 150 cây tre già, 17 cây tre non, 20 mọt măng và 08 cây Cau. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th phải bồi thường cho tôi theo như kết quả đã thẩm định, định giá tổng cộng với số tiền là 4.048.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Song Th trình bày:

Số tre mà anh H yêu cầu tôi phải bồi thường không phải của anh H mà là tre của tôi. Trong số 03 bụi tre thì có 02 bụi tre nằm ở bờ ruộng, 01 bụi nằm ở nửa đất anh B và bờ ruộng của tôi. 02 bụi tre sát bờ ruộng là của tôi đã chừa từ năm 1995, còn 01 bụi là của ông Trần C là ông ngoại của anh H. Vì bụi tre sát với ruộng tôi đang canh tác nên tôi có dọn để rập ruộng chứ không chặt măng và đốt tre của anh H. Tôi thừa nhận khi đốt dọn để trồng keo có gây cháy tre và cây Cau của anh H. Tuy nhiên, do anh H trồng Cau giữa hàng rào là không đúng, lẽ ra anh H phải trồng Cau cách bờ rào 5m. Do vậy, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H buộc tôi phải bồi thường tổng cộng là 4.048.000đ thì tôi không thống nhất.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch khai: Nguồn gốc đất có 03 bụi tre mà hiện nay anh H sử dụng là do ông bà để lại cho cha bà ông Trần C, sau đó cha bà đã để lại cho bà canh tác, sử dụng. Đến năm 2000, do già yếu không thể canh tác được nữa nên bà đã để lại diện tích đất có 03 bụi tre cho anh H canh tác sử dụng. Số tài sản trên bà đã giao lại cho anh H được quyền sở hữu nên bà không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Th phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích đầy đủ các quyền và nghĩa vụ

của đương sự, đã tiến hành thẩm vấn công khai, tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận với nhau theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định 03 bụi tre thuộc quyền sở hữu của anh H. Ông Th đã có hành vi làm thiệt hại đến tài sản của anh H. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc ông Th phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn H khởi kiện về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm. Bị đơn ông Lê Song Th trú tại thôn Nh, xã Th, huyện H, tỉnh Q, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức .

[2] Về nội dung vụ án:

Anh H khởi kiện yêu cầu ông Th phải bồi thường thiệt hại đối với số tre và Cau do ông Th chặt và đốt cháy. Tuy nhiên, ông Th cho rằng 02 bụi tre trên là của ông, ông chỉ phát dọn và đốt để khỏi ảnh hưởng đến đất của ông canh tác ở phía dưới ruộng. Đối với số cây Cau bị cháy, do anh H trồng ngay trên bờ rào là không đúng quy định, khi ông đốt keo đã làm cháy nám Cau nên ông không thống nhất bồi thường.

Xét về nguồn gốc của 03 bụi tre thì thấy:

Ông Th cho rằng trong số 03 (Ba) bụi tre thì có 02 bụi là tre của ông đã chừa lại từ năm 1995 và 01 bụi tre là của ông Trần C (ông ngoại của anh H), trước đây hai bên đã thống nhất được sử dụng chung. Tuy nhiên, anh H và bà Ch cho rằng nguồn gốc cả 03 bụi tre trên là do ông bà để lại cho ông Trần C sử dụng, sau đó để lại cho bà Trần Thị Ch, nay bà Ch đã già yếu, để lại cho anh H sử dụng.

Qua xác minh lời khai của các nhân chứng đều xác định: 03 bụi tre này tồn tại từ trước năm 1975, nằm hoàn toàn trên diện tích đất của ông Trần C (ông ngoại của anh H). Sau khi ông C mất đã để lại cho bà Trần Thị Ch và hiện nay anh H sử dụng. Ông Th không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh 02 bụi tre thuộc quyền sở hữu của mình. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định 03 bụi tre bị thiệt hại thuộc quyền sở hữu của anh H.

Xét yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của anh H thì thấy:

Theo đơn khởi kiện, anh H yêu cầu ông Th bồi thường giá trị 100 cây tre, 15 mọt măng do bị chặt và 23 cây Cau bị đốt cháy. Mặc dù ông Th không thừa nhận

đốn tre, chặt măng của anh H và anh H cũng không có chứng cứ xác định ông Th có chặt măng. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông Th tiếp tục đốt cháy ba bụi tre nên Tòa án không xác định được số măng bị thiệt hại trước đó mà chỉ xác định số măng và tre bị đốt cháy tại thời điểm thẩm định.

Do vậy, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 30/7/2020 xác định giá trị tài sản thiệt hại gồm:

+ 150 cây tre già có giá: 2.250.000đ

+ 17 cây tre non có giá: 238.000đ

+ 20 cây măng có giá: 120.000đ

+ 08 cây cau có giá: 1.440.000đ

Tổng cộng giá trị thiệt hại là 4.048.000đ.

Đối với thiệt hại về tre, măng như trên thì ông Th thừa nhận do mình gây ra nhưng ông cho rằng không cố ý chặt phá tre của anh H mà ông chỉ phát dọn, đốt để khỏi ảnh hưởng đến ruộng của ông canh tác phía dưới. Tuy nhiên, qua xác minh, các nhân chứng đều xác định 03 bụi tre trên hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến việc canh tác ở phần diện tích đất của ông Th. Hơn nữa, hiện nay, phần đất phía dưới của ông Th không canh tác gì, mùa mưa có nước chảy mạnh nên không thể trồng cây được, hiện không tồn tại cây cối hay tài sản gì trên đất.

Đối với thiệt hại về Cau, ông Th cũng thừa nhận do mình gây ra. Tuy nhiên, ông Th cho rằng anh H trồng ở giữa hàng rào ranh giới là không đúng quy định, lẽ ra anh H phải trồng cách hàng rào 5m là không có cơ sở. Vì tại thời điểm anh H trồng, ông Th không có ý kiến gì ngăn cản hay buộc anh H phải nhổ bỏ số cây đã trồng nêu trên. Hơn nữa, việc trồng cây của anh H ở phần ranh giới đất của anh H và không ảnh hưởng gì đến việc canh tác trên đất của ông Th.

Mặc khác, thiệt hại do ông Th gây ra cho anh H là không đáng kể. Tuy nhiên, do ông Th đã nhiều lần cố ý chặt phá và đốt tre của anh H nhưng không thông qua ý kiến của anh H và ông Th vẫn không thấy được hành vi sai trái của mình và không chấp nhận bồi thường cho anh H. Do vậy, cần buộc ông Th phải có nghĩa vụ bồi thường đối với thiệt hại do mình gây ra cho anh H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện Anh Lê Văn H là có cơ sở, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc ông Lê Song Th phải bồi thường cho anh H số tiền 4.048.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn H được chấp nhận nên ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Th là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DS-TS đối với ông Lê Song Th.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) anh H đã tạm nộp. Do yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận nên ông Th phải hoàn trả số tiền này cho anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn H về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” đối với ông Lê Song Th .

Buộc ông Lê Song Th phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho Anh Lê Văn H số tiền 4.048.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Lê Song Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Anh Lê Văn H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí DS-ST đối với ông Lê Song Th. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005227 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Ngày 29/9/2020). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- Cơ quan THADSH. Hiệp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Ân

